

Số: 03/2024/QĐST-HNGĐ

PV, ngày 18 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của
Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban
Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý sử dụng
án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 189/2023/VDS-HNGĐ ngày
15 tháng 12 năm 2023 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận
nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- **Anh Nguyễn Văn P**, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Thôn PD, xã H, huyện
PV, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- **Chị Nguyễn Thị L**, sinh năm 1979; Nơi cư trú: Thôn PD, xã PD, huyện
PV, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Thị L tự
nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PD, PV, tỉnh Thừa Thiên Huế
vào ngày 16/07/2008. Thời điểm đăng ký có đủ điều kiện kết hôn theo quy định.
Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Quá trình chung
sống vợ chồng sống hạnh phúc được 10 năm, đến năm 2018 thì phát sinh mâu
thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói
chung trong hôn nhân, kinh tế gia đình trở nên khó khăn khi vợ chồng làm ăn
thua lỗ. Vợ chồng tuy ở chung nhưng không còn tình cảm, đã ly thân từ năm
2020. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Thị L đã đến
mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần áp dụng Điều 55
Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của
anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Thị L.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Thị L xác nhận vợ
chồng có 03 con chung là Nguyễn Hoài Châu A, sinh ngày 11/01/2011; Nguyễn
Hoàng Bảo H, sinh ngày 06/01/2015 và Nguyễn Thiên B, sinh ngày 22/12/2017
(hiện các con đang ở với chị L và anh P). Sau khi ly hôn, thỏa thuận anh P sẽ là

người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con là Nguyễn Hoài Châu A và Nguyễn Hoàng Bảo H cho đến lúc trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con là Nguyễn Thiên B cho đến lúc trưởng thành, đủ 18 tuổi. Hai bên không đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Thị L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Thị L mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 10 tháng 01 năm 2024, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Thị L.

- Về con chung: Hai đương sự thống nhất giao con là Nguyễn Hoài Châu A, sinh ngày 11/01/2011 và Nguyễn Hoàng Bảo H, sinh ngày 06/01/2015 (hiện đang ở với anh P và chị L) cho anh Nguyễn Văn P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến lúc trưởng thành, đủ 18 tuổi, cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Anh và cháu Hân. Giao con là Nguyễn Thiên B, sinh ngày 22/12/2017 (hiện đang ở với anh P và chị L) cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến lúc trưởng thành, đủ 18 tuổi. Hai bên không đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Là 300.000 đồng. Anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Thị L mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc ly hôn. Nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí mà anh P và chị L đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001818 và 0001819 ngày 15/12/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện PV.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh TT-Huế;
- VKSND huyện PV;
- Chi cục THADS huyện PV;
- UBND xã PD;
- (ĐKKH số: 66, ngày 16/7/2008)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thúy Hồng